

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 06-9-2024  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Hoàng Thị Hanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Không Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Triệu Thị C**, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh V**; hiện trú tại: **Thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Triệu Thị C** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn M** kết hôn với nhau ngày 02/5/2003, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh **M** tại **thôn G, xã H, huyện T**. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh **M** có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên chơi bời nợ nần dẫn đến vợ chồng hay xô xát lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Cuối tháng 6 năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị **C** về sống cùng bố mẹ đẻ chị ở **L, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, sống ly thân, không quan tâm hay có

trách nhiệm gì đến nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **M**, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **M**.

Về con chung: Chị và anh **M** có 02 con chung là **Phạm Văn C1**, sinh ngày 11/02/2004 và **Phạm Đức V**, sinh ngày 17/5/2006. Hiện nay hai cháu đã thành niên trên 18 tuổi chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Phạm Văn M** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án không ghi nhận được quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Triệu Thị C**, cho chị **Triệu Thị C** ly hôn anh **Phạm Văn M**. Về án phí: Chị **C** phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Triệu Thị C** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Phạm Văn M**, anh **M** có nơi cư trú tại **xã H, huyện T**. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh **Phạm Văn M**, mặc dù anh **M** có mặt tại địa phương nhưng anh **M** không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa, chị **C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **M** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị **C** và anh **M**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Triệu Thị C** và anh **Phạm Văn M** kết hôn với nhau ngày 02/5/2003, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2020 thì nảy sinh nhiều bất đồng, không tin tưởng nhau, từ cuối tháng 6/2020 đến nay anh chị sống ly thân. Quá trình



giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh **M** nhiều lần đến làm việc, nhưng anh **M** cố tình trốn tránh, không hợp tác, không đến Tòa làm việc, gây khó khăn cho chị **C** và Tòa án, thể hiện anh **M** không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy hôn nhân giữa chị **C** và anh **M** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị **C** xin ly hôn anh **M** là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị **C** và anh **M** có 01 con chung là **Phạm Văn C1**, sinh ngày 11/02/2004 và **Phạm Đức V**, sinh ngày 17/5/2006. Con chung của anh chị đều đã thành niên, chị **C** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị **C** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Triệu Thị C** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Triệu Thị C** ly hôn anh **Phạm Văn M**.
2. Về án phí: Chị **Triệu Thị C** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006980 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Dương.
3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Hoàng Lâu - TD - VP;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Minh Hoàng**